

Bản án số: 25/2024/DS-ST

Ngày: 14-3-2024

V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Diệp

2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1074/2023/TLST-DS ngày 27/11/2023 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ngọc Á**, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: số F, tổ C, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà **Lê Thị Ngọc Á** là nguyên đơn trình bày:

Bà **Lê Thị Ngọc Á** là đại diện theo pháp luật hộ kinh doanh T1 chuyên kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản các loại tại địa chỉ ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ông **Trần Ngọc T** là khách hàng mua thức ăn nuôi cá. Việc mua thức ăn nuôi cá ông **T** thanh toán theo từng đợt, tính đến ngày 21/7/2023, ông **T** còn nợ bà **Á** số tiền 77.400.000 đồng. Ông **T** cam kết sẽ trả số tiền 77.400.000 đồng cho bà **Á** ngay sau khi ông **T** bán cá vào ngày 22/7/2023, nhưng sau khi bán cá ông **T** đã không trả tiền cho bà **Á** như cam kết. Đến ngày

04/9/2023 ông **T** trả cho bà **A** số Tiền 3.000.000 đồng, còn lại 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng). Bà **A** đã nhiều lần yêu cầu ông **T** trả tiền còn nợ nhưng cho đến nay ông **T** vẫn chưa trả.

Trong đơn khởi kiện, bà **Lê Thị Ngọc Á** – chủ hộ kinh doanh Trường An yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh **T** trả số tiền còn nợ là 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 21/7/2023 đến 23/10/2023 với số tiền lãi là 2.232.000 đồng, tổng cộng 76.632.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà **Lê Thị Ngọc Á** – chủ hộ kinh doanh **T** xác nhận số tiền ông **T** mua thức ăn nuôi cá còn nợ là 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng). Bà **Lê Thị Ngọc Á** yêu cầu ông **Trần Ngọc T** có trách nhiệm trả cho bà **A** số tiền ông **T** mua thức ăn nuôi cá còn nợ là 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 4.300.000 đồng (tính từ ngày 22/7/2023 đến ngày 14/3/2024) với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tổng cộng 78.700.000 đồng (bảy mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng).

2. Bị đơn ông **Trần Ngọc T:**

Ông **T** đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- Căn cước công dân của bà **Lê Thị Ngọc Á** (bản photo);
- Tờ ghi theo dõi trả tiền hàng, viết tay ngày 14/3/2023 (bản chính);
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà **Lê Thị Ngọc Á** – chủ hộ kinh doanh **T** yêu cầu ông **Trần Ngọc T** có trách nhiệm trả cho bà **A** số tiền mua thức ăn còn nợ là 74.400.000 đồng và tiền lãi là 4.300.000 đồng, tổng cộng 78.700.000 đồng (bảy mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán tài sản*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại **huyện C, tỉnh Đồng Tháp** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: ông **Trần Ngọc T** đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **T** theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị Ngọc Á** – chủ hộ kinh doanh **T** yêu cầu ông **Trần Ngọc T** có trách nhiệm trả cho bà **Á** số tiền mua thức ăn còn nợ 74.400.000 đồng và tiền lãi là 4.300.000 đồng, tổng cộng 78.700.000 đồng (bảy mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử nhận định:

Bà **Lê Thị Ngọc Á** là đại diện theo pháp luật **hộ kinh doanh T1** chuyên kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản các loại tại địa chỉ **ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**. Ông **Trần Ngọc T** là khách hàng mua thức ăn nuôi cá. Việc mua thức ăn nuôi cá ông **T** thanh toán theo từng đợt, tính đến ngày 04/9/2023, ông **T** còn nợ bà **Á** số tiền 74.400.000 đồng là có thật và phù hợp với tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện tại sổ theo dõi trả tiền hàng của bà **Á**, người trả tiền hàng là ông **Trần Ngọc T** có ký tên xác nhận thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả công khai chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp, nhưng ông **Trần Ngọc T** vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời ông **T** cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định hợp đồng mua bán giữa hai bên đương sự là có thật và ông **T** còn nợ bà **Á** số tiền 74.400.000 đồng. Do đó, buộc ông **Trần Ngọc T** có trách nhiệm trả cho bà **Á** số tiền mua thức ăn nuôi cá còn nợ là 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu ông **T** phải trả tiền lãi do chậm thanh toán số tiền mua thức ăn, với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 74.400.000 đồng kể từ ngày 22/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/3/2024) là 07 tháng 21 ngày, tại phiên tòa bà **Á** yêu cầu làm tròn 07 tháng. Bà **Á** yêu cầu ông **T** trả tiền lãi với số tiền là 4.300.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Sổ theo dõi nhận hàng và thanh toán đã được xác lập giữa hai bên do nguyên đơn giao nộp không có thể hiện lãi suất. Tuy nhiên, ông **T** cam kết sẽ trả hết số tiền mua thức ăn nuôi cá còn nợ cho bà **Á** vào ngày 22/7/2023, nhưng ông **T** đã không thực hiện cam kết. Như vậy yêu cầu tính lãi kể từ ngày 22/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/3/2024) mức lãi

suất 0,83%/tháng do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Ngọc Á** – chủ hộ kinh doanh **T**. Buộc ông **Trần Ngọc T** có nghĩa vụ trả cho bà **Lê Thị Ngọc Á** số tiền mua thức ăn còn nợ là 74.400.000 đồng và tiền lãi và tiền lãi là 4.300.000 đồng, tổng cộng 78.700.000 đồng (bảy mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Ngọc Á** – chủ hộ kinh doanh **T** được chấp nhận nên ông **Trần Ngọc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 430, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Ngọc Á** – chủ hộ kinh doanh **T**.

Buộc ông **Trần Ngọc T** có nghĩa vụ trả cho bà **Lê Thị Ngọc Á** – chủ hộ kinh doanh Trường An số tiền 78.700.000 đồng (bảy mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Trần Ngọc T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.935.000 đồng (Ba triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Bà **Lê Thị Ngọc Á** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **Á** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.916.000 đồng (Một triệu, chín trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000880 ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Q).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Nhã Quyên